

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **80/2022/HNGĐ-ST**  
Ngày: 10/8/2022  
V/v: “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đào Chí Cường.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thu Trúc.

2. Bà Đinh Thị Thanh Giang.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đoàn Ngọc Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Huỳnh Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:**

Chị Tăng Mẫn K, sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp 5, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

**2. Bị đơn:**

Anh Lương Văn H, sinh năm 1986.

Địa chỉ: 236, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

*Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 15/02/2022 và 23/3/2022, bản khai và đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ngày 26/4/2022, nguyên đơn chị Tăng Mẫn K có lời trình bày:*

Chị Tăng Mẫn K và anh Lương Văn H tự nguyện kết hôn năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 18/02/2012. Sau khi kết hôn thời gian đầu sống chung có hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh Lương Văn H

thường cò bạc không lo làm ăn, vợ chồng thường cãi vã nhau và cả hai đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2019 cho đến nay. Do xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lương Văn H. Chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho chị sau khi ly hôn.

Trong thời kì hôn nhân hai vợ chồng không có con chung, tài sản chung và nợ chung vì vậy chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Anh Lương Văn H do vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án vì vậy không có lời trình bày.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Do mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của nguyên đơn, bị đơn đã đến mức trầm trọng; cả hai sống ly thân từ tháng 02 năm 2019 đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn. Về con chung, tài sản chung và nợ chung do nguyên đơn trình bày không có vì vậy đề nghị không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng qui định.

Bị đơn trong vụ án vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

Theo nguyên đơn trình bày, nguyên đơn và bị đơn tự nguyện kết hôn, có đăng kí kết hôn ngày ngày 18/02/2012 và đã nhận được giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Theo nguyên đơn, thời gian sống chung với nhau lúc ban đầu có hạnh phúc tuy nhiên từ khoảng năm 2018 đến nay thì hai người phát sinh mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng mà nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, bị đơn thường cò bạc không lo làm ăn, vợ chồng thường cãi vã nhau. Vợ chồng nguyên đơn đã thực sự ly thân từ tháng 02 năm 2019 cho đến nay; hiện nay nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng với bị đơn không còn nên yêu cầu được ly hôn, bị đơn không có mặt để trình bày ý kiến đồng ý hay không đồng ý mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo hợp lệ phiên hòa giải với mục đích là hòa giải, động viên nhằm hàn gắn tình cảm, quan hệ giữa vợ chồng cho hai bên tuy nhiên nguyên đơn cương quyết ly hôn và có ý kiến đề nghị không

cần hòa giải, bị đơn cũng không tự nguyện đến Tòa án theo thông báo để giải quyết nội dung xin ly hôn của nguyên đơn

Từ những phân tích, đánh giá như trên, Hội đồng xét xử nhận định bị đơn dù biết ly hôn là chấm dứt quan hệ hôn nhân nhưng bị đơn đã bỏ mặc cho nguyên đơn tự giải quyết, không cùng nguyên đơn có các biện pháp tích cực nhằm cải thiện tình trạng hôn nhân của cả hai để kéo dài mối quan hệ vợ chồng. Như vậy tình trạng hôn nhân của cả hai đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử cần thiết phải chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng cho nguyên đơn sau khi ly hôn là do sự tự nguyện của nguyên đơn vì vậy được ghi nhận, bị đơn không có mặt tại phiên tòa để trình bày yêu cầu về cấp dưỡng giữa vợ chồng vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu này.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không có vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Lời phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tại phiên tòa là phù hợp với việc đánh giá chứng cứ của Hội đồng xét xử vì vậy được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng, nguyên đơn phải có nghĩa vụ chịu theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng theo biên lai thu số 0006333 ngày 23/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Cụ thể tuyên:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Tăng Mẫn K được ly hôn với anh Lương Văn H.

Ghi nhận chị Tăng Mẫn K không yêu cầu anh Lương Văn H cấp dưỡng cho chị sau khi ly hôn.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tăng Mẫn K phải có nghĩa vụ chịu số tiền 300.000đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng theo biên lai thu số 0006333 ngày 23/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành*

*án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- UBND xã T, huyện C;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Chí Cường**